

Số: 116/2018/QĐST-HNGĐ

V, ngày 02 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 191/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Anh B, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng C

Địa chỉ trụ sở chính: Phố L, Phường K, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Chị D, chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện V. (Theo các văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 và số 25/GUQ-NHCS ngày 08 tháng 02 năm 2018).

- Ngân hàng E

Địa chỉ trụ sở chính: Phường T, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông X, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng E – Chi nhánh huyện V. (Theo các văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19 tháng 06 năm 2018 và số 192A/NHNoVL-UQ ngày 26/9/2018).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Chị A và anh B thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Chị A và anh B thống nhất giao cháu I, sinh ngày 16/5/2002 và cháu O, sinh ngày 04/12/2006 cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay hai cháu I và O đang sống chung với A.

Anh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

2.4 Về tài sản chung: Chị A và anh B đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về nợ chung: Chị A và anh B và Ngân hàng C thống nhất anh B có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng C số tiền 30.000.000 đồng. Ngân hàng C không yêu cầu anh B trả nợ trong vụ án này, nếu có yêu cầu sẽ giải quyết trong vụ án khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng nhưng do hòa giải thành được giảm 50% là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), chị A tự nguyện nộp, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo Biên lai thu số 0013183 ngày 28 tháng 8 năm 2018, chị A được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- UBND xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Trang Thảo